

Bản án số: 36/2025/HNGĐ-ST
Ngày 07-02-2025
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐÀM DƠI, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Quốc Trọng

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Hiến

Ông Hồ Thanh Phong

- Thư ký phiên tòa: Ông Hà Chí Đệ là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đam Dơi.

Ngày 07 tháng 02 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đam Dơi, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 08/2025/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 01 năm 2025, về “tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 26/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 22 tháng 01 năm 2025 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Khuru Thị Cẩm T, sinh năm 1989; địa chỉ: Ấp TH, xã TĐ, huyện ĐD, tỉnh Cà Mau. (vắng mặt)

- *Bị đơn:* Anh Nguyễn Phương D, sinh năm 1986; địa chỉ: Ấp TH, xã TĐ, huyện ĐD, tỉnh Cà Mau. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Chị Khuru Thị Cẩm T trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh D chung sống năm 2008, có đăng ký kết hôn tại UBND xã TĐ, huyện ĐD, tỉnh Cà Mau, hôn nhân tự nguyện. Trong quá trình chung sống, anh chị phát sinh mâu thuẫn do anh D không quan tâm, lo lắng cho vợ con và không lo làm ăn. Chị xác định không còn tình cảm với anh D và yêu cầu ly hôn anh D.

Về con chung: Chị và anh D có 02 con chung là cháu Nguyễn Quốc T, sinh ngày 25/3/2009 và cháu Nguyễn Thiên K, sinh ngày 09/7/2014, hiện đang sống chung với chị. Khi ly hôn, chị yêu cầu được nuôi hai con và không yêu cầu cấp dưỡng.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị T xác định không có.

Đối với anh Nguyễn Phương D đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ Thông báo

thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, không có ý kiến giải trình liên quan đến yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị Khru Thị Cẩm T có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Anh Nguyễn Phương D đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt đối với các đương sự trên là phù hợp.

[2] Về hôn nhân: Chị T, anh D chung sống vào năm 2008, có đăng ký kết hôn tại UBND xã TĐ, hôn nhân tự nguyện theo đúng quy định nên được pháp luật thừa nhận là vợ chồng. Theo chị T xác định nguyên nhân mâu thuẫn do anh D không quan tâm, lơ đãng cho vợ con và không lo làm ăn. Anh D không có ý kiến phản đối yêu cầu ly hôn của chị T. Xét mâu thuẫn của anh chị đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình cho chị T được ly hôn anh D.

[3] Xét yêu cầu nuôi con của chị T, thấy rằng: Cháu T và cháu K đang sống chung chị T vẫn phát triển tốt về mặt thể chất lẫn tinh thần, hai cháu có nguyện vọng sống chung chị T. Anh D không có ý kiến phản đối yêu cầu nuôi con của chị T. Do đó, Hội đồng xét xử giao cháu T và cháu K cho chị T tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị T không yêu cầu anh D cấp dưỡng nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết là phù hợp.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết là phù hợp.

[5] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị T phải chịu 300.000đ, đã nộp đủ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 228 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 2 Điều 53, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và Lệ phí Tòa án;

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của chị Khru Thị Cẩm T, cho chị Khru Thị Cẩm T được ly hôn anh Nguyễn Phương D.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Quốc T, sinh ngày 25/3/2009 và cháu Nguyễn Thiên K, sinh ngày 09/7/2014 cho chị Khưu Thị Cẩm T tiếp tục nuôi dưỡng.

Anh Nguyễn Phương D không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị Khưu Thị Cẩm T phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng), nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm đã nộp là 300.000đ theo biên lai số 0002466 ngày 08 tháng 01 năm 2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đầm Dơi, chị T đã nộp đủ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện Đầm Dơi;
- CCTHADS huyện Đầm Dơi;
- UBND xã TĐ, huyện ĐD;
- Đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Đặng Quốc Trọng